TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH T GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST
Ngày 17/8/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Chung
Bà Đồng Thị Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh T Giang.

Trong các ngày 14 và 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-KDTM ngày 19/6/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-KDTM, ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Minh K**.

Địa chỉ: Số 108, Trần H quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T**; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Minh K**; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần T-Chi nhánh T.

Bà **Lê Thị Thùy D**-Chức vụ: Phó phòng bán lẻ Ngân hàng Thương mại cổ phần T-Chi nhánh T.

Địa chỉ: Số 560, quốc lộ 1A, khu phố N, phường A, thị xã C, tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S,** sinh năm 1961.
Ông **Phan Minh T**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

Người có quyền nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Phan Kim N**, sinh năm 1979.
2. Chị **Phan Thị Kim N**, sinh năm 1984.
3. Chị **Phan Việt N**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày: Ngân hàng TMCP T-Chi

nhánh T đã cho bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T vay T như sau:

Hợp đồng tín dụng số 02045/2017/HĐTDHM/NHCT762 ngày 15/02/2017, số T vay 1.200.000.000 đồng. Lãi suất: lãi suất thả nổi hiện tại khi ký hợp đồng 9%/năm. Lãi suất phạt quá hạn 50% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng từ ngày 15/02/2017 đến ngày 14/02/2018. Ngày chuyển nợ quá hạn 25/10/2017. Mục đích vay vốn: Kinh doanh lương thực. Số T còn nợ ngân hàng 1.240.281.092 đồng. Trong đó nợ gốc: 1.200.000.000 đồng, nợ lãi: 40.281.092 đồng, tạm tính đến ngày 27/02/2018.

Tài sản đảm bảo nợ vay:

1. Quyền sử dụng 5.989,5m^2 đất lúa tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00888 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 23/4/2013 cho ông Phan Minh T.

Hợp đồng thế chấp số 15159/HĐTC ngày 14/12/2015 đã được phòng Công chứng số 3 chứng thực ngày 14/12/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 2006 ngày 15/12/2015.

2. Quyền sử dụng 4.112m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00722 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 02/11/2012 cho hộ bà Nguyễn Thị S.

Hợp đồng thế chấp số 15160/HĐTC ngày 16/12/2015 đã được phòng Công chứng số 3 chứng thực ngày 16/12/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 2027 ngày 16/12/2015.

3. Quyền sử dụng 4.475m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06704 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 09/4/2007 cho bà Nguyễn Thị S.

Hợp đồng thế chấp số 15161/HĐTC ngày 16/12/2015 đã được phòng Công chứng số 3 chứng thực ngày 16/12/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 2026 ngày 16/12/2015.

4. Quyền sử dụng 4.802m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS00038 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T Giang cấp ngày 22/02/2016 cho bà Nguyễn Thị S.

Hợp đồng thế chấp số 16102/HĐTC ngày 03/3/2016 đã được phòng Công chứng số 3 chứng thực ngày 03/3/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm số 209 ngày 03/3/2016.

Hiện nay hợp đồng tín dụng đã quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhưng ông T, bà S không trả nợ đúng cam kết nên Ngân hàng yêu cầu bà S, ông T thanh toán cho Ngân hàng tổng số T 1.240.281.092 đồng (nợ gốc 1.200.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 27/02/2018 là 40.281.092 đồng), yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả T lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 02045/2017-HĐTDHM/NHCT762, ngày 15/02/2017 cho đến khi thi hành án xong. Nếu quá thời hạn trên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thanh toán hết

nợ cho Ngân hàng thì đề nghị thanh lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số: 15159/HĐTC, 15160/HĐTC, 15161/HTC và 16102/HĐTC để thu hồi nợ

Bị đơn bà Nguyễn Thị S, ông Pham Minh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Kim N, Phan Thị Kim N và Phan Việt N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng các đương sự không có văn bản thể hiện ý kiến cũng như vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bà S, ông T trả số T 1.240.281.092 đồng, mục đích vay kinh doanh lương thực, nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh T Giang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc Ngân hàng khởi kiện nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP T và bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T ký kết hợp đồng tín dụng số 02045/2017/HĐTDHM/NHCT762 ngày 15/02/2017, theo đó Ngân hàng cho bà S, ông T vay số T 1.200.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi khi ký hợp đồng 9%/năm. Lãi suất phạt quá hạn 50% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng từ ngày 15/02/2017 đến ngày 14/02/2018. Ngày chuyển nợ quá hạn 25/10/2017. Mục đích vay vốn: Kinh doanh lương thực. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân ngày 26/7/2017 số T 350.000.000 đồng, ngày 25/8/2017 số T 650.000.000 đồng, ngày 31/8/2017 số T 200.000.000 đồng, bà S, ông T đã nhận đủ 1.200.000.000 đồng. Đến ngày 14/8/2017 và ngày 14/9/2017 bà S, ông T có trả lãi đúng hạn nhưng đến tháng 10/2017 thì không trả lãi theo thỏa thuận cho đến nay. Xét thấy, tại các giấy nhận nợ hai bên thoả thuận số T vay, lãi suất, thời hạn trả nợ đều hợp pháp, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nhưng đến hạn bà S, ông T không trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên Ngân hàng TMCP T yêu cầu bà S, ông T trả số T 1.200.000.000 đồng, lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 99.650.349 đồng (theo bảng kê chi tiết lãi) là có căn cứ, phù hợp pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với các tài sản đảm bảo nợ vay gồm:

Quyền sử dụng 5.989,5m^2 đất lúa tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00888 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 23/4/2013 cho ông Phan Minh T.

Quyền sử dụng 4.112m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00722 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 02/11/2012 cho hộ bà Nguyễn Thị S.

Quyền sử dụng 4.475m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06704 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 09/4/2007 cho bà Nguyễn Thị S.

Quyền sử dụng 4.802m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS00038 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T Giang cấp ngày 22/02/2016 cho bà Nguyễn Thị S.

Hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T, chị Phan Kim N, chị Phan Thị Kim N, chị Phan Việt N và Ngân hàng TMCP T đã được phòng Công chứng số 3 chứng thực tại các hợp đồng thế chấp số 15159/HĐTC, 15160/HĐTC, 15161/HTC và 16102/HĐTC là hợp pháp, có giá trị thực hiện. Trường hợp ông bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng theo quy định tại các điều 317, 318, 319, 320, 323, 500, 501, 502 của Bộ luật dân sự.

[4] Án phí: Bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 466, 500, 501 và Điều 502 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số T 1.299.650.349 (Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi ngàn, ba trăm bốn mươi chín) đồng.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 5.989,5m^2 đất lúa tọa lạc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00888 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 23/4/2013 cho ông Phan Minh T. Quyền sử dụng 4.112m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00722 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 02/11/2012 cho hộ bà Nguyễn Thị S. Quyền sử dụng 4.475m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06704 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 09/4/2007 cho bà Nguyễn Thị S. Quyền sử dụng 4.802m^2 đất lúa tọa lạc ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS00038 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T Giang cấp ngày 22/02/2016 cho bà Nguyễn Thị S để thu hồi nợ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản T lãi quá hạn của số T nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị S, ông Phan Minh T phải chịu 50.989.510 (Năm mươi triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, năm trăm mười) đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số T 24.600.000 (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15393 ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh T Giang.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhT Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng